TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/DS-ST
Ngày 31-5-2018
"V/v Tranh chấp về kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông Phan Hữu Tỷ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đình Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2017/TLST-DS, ngày 19-12-2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-DS, ngày 19-4-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-DS, ngày 10-5-2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ma A C; địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn R; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt lần 2 không lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Thào A P; địa chỉ: Cụm 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

+ Anh Thào A T, địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có mặt

+ Bà Phàn Thị V, địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; người đại diện theo ủy quyền của chị V: Ông Ma A C (văn bản ủy quyền ngày 08-01-2018), địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai có trong hồ sơ nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phàn Thị V, ông Ma A C trình bày: Vào năm 2013, thông qua một số hộ dân, ông được biết ông Nguyễn Văn R có đất ở khu vực đường đi vào Tỉnh lộ 6 cho thuê, số tiền thuê 40.000.000đ/ha, đưa trước 20.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nào bàn giao đất thì trả. Vợ chồng ông đồng ý thuê, sau đó ông đã giao cho Anh P đưa ông Nguyễn Văn R số tiền là 20.000.000 đồng, khi giao tiền, anh Thào A P, anh Thào A T và nhiều người khác chứng kiến, Anh P kê vào trong bảng danh sách các hộ dân đóng tiền và ghi tổng số tiền ông R nhận, mọi thủ tục lo giấy tờ thuê đất, ông R là người chịu trách nhiệm hoàn tất. Kể từ thời điểm giao tiền đến nay, ông R không giao đất và hai bên thống nhất hủy hợp đồng nhưng ông R không trả lại tiền, nên ông khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc ông R phải trả lại số tiền đã nhận là: 20.000.000 đồng.

2. Tiền lãi suất 1,7%/tháng tạm tính đến ngày 27-11-2017; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông yêu cầu tính lãi suất 9%/năm theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01-3-2016 đến 30-5-2018.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn R trình bày: Thông qua giới thiệu, ông gặp anh Thào A T, Thào A P và anh Thào Seo H để làm thủ tục thuê đất sản xuất, sau đó, ông R nói có khả năng làm thủ tục cho thuê đất rừng sản xuất nhưng phải nhiều người thuê thì mới được, giá thuê đất 40.000.000đ/ha, đặt cọc trước 20.000.000đ/ha, số tiền còn lại khi nào làm xong thủ tục thuê thì giao tiền, thủ tục thuê đất ông chịu trách nhiệm hoàn tất nhưng với danh nghĩa là Hợp tác xã nông lâm nghiệp B đứng ra thuê đất, vì cá nhân không làm được. Sau khi trao đổi, Anh P, anh H, anh T đồng ý và huy động tiền của một số người khác, đồng thời thay mặt những người này giao tiền cho ông, cụ thể ông có nhận 3 lần tiền từ anh P và một lần từ anh H, một lần từ anh T với tổng số tiền là 1.889.000.000 đồng, khi nhận tiền có lập giấy biên nhận, anh P giữ. Sau đó, ông liên hệ Lâm trường Đ để thuê Tiểu khu 1636 thuộc địa bàn huyện Đ nhưng không được nên ông không giao đất, các bên thống nhất hủy hợp đồng, ông trả lại cho anh P 320.000.000 đồng, còn nợ 1.569.000.000 đồng. Việc ông Ma A C khởi kiện yêu cầu trả số tiền 20.000.000 đồng trong tổng số tiền 1.889.000.000 đồng, ông R hẹn cuối tháng 5/2018 sẽ trả nhưng vẫn chưa trả được, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thào A P trình bày: Sau khi trao đổi với ông R về việc thuê khoán đất, anh liên hệ với nhiều hộ dân và các hộ dân giao tiền cho anh để đưa cho ông R, có hộ thì trực tiếp giao tiền

cho ông R. Tổng số tiền các hộ dân đã giao cho ông R là 1.889.000.000 đồng (có bảng kê danh sách cụ thể). Do thời gian dài ông R không giao được đất nên anh và các hộ dân đã chấm dứt hợp đồng, ông R trả lại 280.000.000 đồng và anh đã đưa lại cho một số hộ, ông R còn nợ 1.609.000.000 đồng. Ngày 14-01-2016, anh và ông R thống nhất hủy hợp đồng thuê đất, yêu cầu ông R trả tiền nhưng ông hẹn đến tháng 02/2016 sẽ trả nhưng vẫn chưa trả. Vì vậy, các hộ dân khởi kiện trong đó có hộ ông Ma A C yêu cầu ông R trả lại 20.000.000 đồng trong tổng số tiền 1.609.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật nên anh đề nghị Tòa án buộc ông R trả lại 20.000.000 đồng cho hộ ông C và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày ông R vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thào A T trình bày: Năm 2013, các hộ dân có thỏa thuận với ông R về việc thuê đất để sản xuất như Anh P trình bày. Anh có chứng kiến việc ông R nhận tiền, số tiền anh Thào A T đã giao cho ông R là 50.000.000 đồng, trong thời gian giúp anh P và các hộ dân thì anh khẳng định có 51 hộ gia đình thuê đất, số lượng tiền và danh sách các hộ dân đóng tiền như anh Thào A P trình bày. Quá trình giao dịch có một số hộ dân trực tiếp giao tiền cho ông R, một số khác thông qua anh Thào A P. Tổng số tiền giao cho ông R là 1.889.000.000 đồng, do ông R không giao được đất nên các bên thống nhất hủy hợp đồng, ông R trả 280.000.000 đồng và anh P đưa lại cho một số hộ dân, ông R còn nợ 1.609.000.000 đồng. Viêc các hộ dân khởi kiện trong đó có ông Ma A C yêu cầu ông R trả lại số tiền đã nhận là 20.000.000 đồng và lãi suất là đúng, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của hộ ông Ma A C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến với các nội dung:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông R phải hoàn trả số tiền đã nhận là 20.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ việc thuê khoán đất nên ông Ma A C khởi kiện ông Nguyễn Văn R, cư trú tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn R hoàn trả số tiền đã nhận và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, vì vậy quan hệ pháp luật tại thời điểm thụ lý vụ án là "Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản"; trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác định hai bên không tiếp tục thực hiện thỏa thuận thuê khoán đất và ông R hẹn trả lại tiền đã nhận trong tháng 02/2016 nên quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về kiện đòi tài sản" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu đòi lại số tiền đã giao cho ông Nguyễn Văn R 20.000.000 đồng của hộ ông Ma A C, Hội đồng xét xử nhận định:

Qua lời khai của ông Nguyễn Văn R, Thào A P, Thào A T đã khẳng định số tiền ông R nhận từ các hộ dân thông qua anh Thào A P, Thào A T và anh Thào Seo H là 1.889.000.000 đồng và theo danh sách anh P cung cấp thì trong đó hộ ông Ma A C giao 20.000.000 đồng nên việc ông R có nhận tiền của hộ ông C 20.000.000 đồng là đúng.

Xét ý kiến của ông R cho rằng tổng số tiền ông đã nhận là 1.889.000.000 đồng nhưng đã hoàn trả lại cho anh P 320.000.000 đồng, thấy rằng: ông R không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh số tiền đã giao là 320.000.000 đồng; anh P cung cấp chứng cứ thể hiện anh chỉ nhận lại 280.000.000 đồng và anh P hoàn trả lại cho một số hộ dân khác, hộ ông Ma A C chưa nhận (có xác nhận của Anh P và danh sách các hộ nhận tiền), nên số tiền ông R còn nợ lại các hộ là 1.609.000.000 đồng, trong đó có số tiền 20.000.000 đồng của hộ ông C nên cần buộc ông R phải trả lại cho vợ chồng ông C 20.000.000 đồng là đúng quy định tại khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự.

[3] Xét yêu cầu tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền 20.000.000 đồng ông R đã nhận của hộ ông Ma A C, Hội đồng xét xử nhận định: Tại phiên tòa, ông yêu cầu tính lãi suất 9%/năm kể từ ngày 01-3-2016 đến ngày 30-5-2018, thấy: ngày 14-01-2016, ông Nguyễn Văn R hẹn trả lại tiền trong tháng 02/2016 nhưng không thực hiện nên phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày 01-3-2016 theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể: ông R phải chịu tiền lãi trong 02 năm 02 tháng

(tính từ ngày 01-3-2016 đến ngày 30-5-2018) là: 20.000.000 đồng x 02 năm 02 tháng x 0,75,%/tháng = 3.900.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 166; khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ma A C, buộc ông Nguyễn Văn R phải trả cho ông Ma A C và bà Phàn Thị V số tiền 23.900.000 đồng (trong đó 20.000.000 đồng tiền gốc và 3.900.000 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn R phải chịu 1.195.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Ma A C số tiền tạm ứng án phí 900.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0002083 ngày 18-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và

9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Văn Vinh